

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **78/2021/HNGĐ - ST**
Ngày: 06-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận
2. Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 351/2021/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXX - ST ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Anh Trương Thén S, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc H và anh Trương Thén S tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 28/8/2013. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh S ham chơi nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh S nhiều lần đánh đập chị H. Chị H và anh S đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay tình cảm không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh S không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị H cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2013 ngày 28/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước, bản sao chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu gia đình. Ngoài ra, chị H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Trương Thén S trình bày: Anh S và chị Lê Thị Ngọc H và tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2013. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và tình cảm nên anh S và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu ly hôn thì anh S đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh S không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H, bị đơn anh Trương Thén S đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Thén S. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Ngọc H và anh Trương Thén S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2013 ngày 28/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được chị H cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh S đều thống nhất nội dung anh S và chị H chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về tình cảm. Anh S và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay và hiện nay không còn tình cảm với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị H là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh S cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh S không có con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H về việc ly hôn. Chị H được ly hôn với anh Trương Thén S.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000016 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã , trị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào